

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025

Tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 – 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Khánh Din	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21/04/2025
Ông Nguyễn Hải Hà	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/04/2025
Ông Phạm Thanh Nam	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Thi Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Chi	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Văn Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Phạm Thanh Nam	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Bùi Tuấn Duy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/06/2024
Ông Vũ Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2025

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Đức Hiệp	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/04/2025
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 21/04/2025
Bà Đặng Thị Hà Giang	Thành viên	
Bà Nguyễn Vũ Ý Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2025
Bà Nguyễn Thị Tiến Chi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2025

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Ngọc Cương	Kế toán trưởng
-----------------------	----------------

NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY Co., Ltd).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty một cách trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Số: 1023/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28/08/2025, từ trang 06 đến trang 45 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác tại Báo cáo soát xét số 178/2024/BCSX-AVI-TC1 ngày 28/08/2024 với kết luận chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác tại Báo cáo kiểm toán số 111/2025/BCKT-AVI-TC1 ngày 31/3/2025 với ý kiến chấp nhận toàn phần có vấn đề nhấn mạnh liên quan tới việc công bố thông tin các giao dịch đầu tư tài chính.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		544.724.912.027	562.294.668.490
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	20.107.238.794	19.581.608.627
Tiền	111		18.687.238.794	19.431.608.627
Các khoản tương đương tiền	112		1.420.000.000	150.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.130.200.000	180.200.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	13.130.200.000	180.200.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		356.496.366.475	387.304.882.539
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	206.052.826.891	444.972.468.085
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	25.393.070.523	309.447.807.995
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		4.700.000.000	4.700.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	237.164.720.791	740.375.576.245
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(116.814.251.730)	(1.112.190.969.786)
Hàng tồn kho	140		154.705.672.868	152.827.362.496
Hàng tồn kho	141	8	175.003.502.762	172.126.118.935
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.297.829.894)	(19.298.756.439)
Tài sản ngắn hạn khác	150		285.433.890	2.400.614.828
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	75.111.455	1.666.605.150
Thuế GTGT được khấu trừ	152		205.380.667	729.067.910
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	4.941.768	4.941.768
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		328.404.191.831	265.808.003.685
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.517.108.920	1.517.108.920
Phải thu dài hạn khác	216	10	1.517.108.920	112.267.108.920
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	-	(110.750.000.000)
Tài sản cố định	220		96.132.129.109	101.266.116.561
Tài sản cố định hữu hình	221	12	94.965.974.676	99.947.101.736
- Nguyên giá	222		573.171.911.640	572.990.184.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(478.205.936.964)	(473.043.082.378)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.166.154.433	1.319.014.825
- Nguyên giá	228		5.313.999.620	5.313.999.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.147.845.187)	(3.994.984.795)
Tài sản dở dang dài hạn	240		19.778.697.703	5.238.875.261
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.778.697.703	5.238.875.261
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	192.800.000.000	140.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		750.000.000	750.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		192.800.000.000	140.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(750.000.000)	(750.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		18.176.256.099	17.785.902.943
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	15.882.190.298	16.524.418.246
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.294.065.801	1.261.484.697
TỔNG TÀI SẢN	270		873.129.103.858	828.102.672.175

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		306.000.997.671	288.421.043.975
Nợ ngắn hạn	310		271.437.058.983	288.286.032.550
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	53.224.920.973	87.795.950.428
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.595.833.250	11.674.486.600
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	12.497.020.168	25.439.864.101
Phải trả người lao động	314		2.295.311.956	6.896.320.667
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.167.928.183	9.130.658.468
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	878.389.428	1.561.608.918
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	180.276.534.281	140.828.584.046
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.501.120.744	4.958.559.322
Nợ dài hạn	330		34.563.938.688	135.011.425
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	34.562.822.238	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		1.116.450	135.011.425
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		567.128.106.187	539.681.628.200
Vốn chủ sở hữu	410	21	567.128.106.187	539.681.628.200
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(979.623.974.746)	(1.007.069.805.417)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.007.069.805.417)	(1.047.352.036.211)
- LNST chưa phân phối lũy kế kỳ này	421b		27.445.830.671	40.282.230.794
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		250.806.831	250.159.515
TỔNG NGUỒN VỐN	440		873.129.103.858	828.102.672.175



Vũ Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Ngọc Cương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

Mẫu số B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	317.583.125.692	275.884.877.107
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>02</i>		<i>151.076.190</i>	<i>5.100.000</i>
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		317.432.049.502	275.879.777.107
Giá vốn hàng bán	11	24	240.957.874.079	209.718.282.426
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.474.175.423	66.161.494.681
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.372.087.286	10.239.290.576
Chi phí tài chính	22	26	6.746.518.322	2.686.061.267
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>4.681.121.092</i>	<i>2.637.510.093</i>
Chi phí bán hàng	25	27	25.048.864.803	34.083.819.100
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	21.364.270.510	22.190.195.744
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.686.609.074	17.440.709.146
Thu nhập khác	31	30	7.435.427.920	4.974.215.763
Chi phí khác	32	31	698.993.832	3.252.552.798
Lợi nhuận khác	40		6.736.434.088	1.721.662.965
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.423.043.162	19.162.372.111
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	8.026.735.732	4.586.026.799
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.050.170.558)	(903.651.148)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.446.477.988	15.479.996.460
<i>Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i>	<i>61</i>		<i>27.445.830.672</i>	<i>15.470.410.664</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>62</i>		<i>647.316</i>	<i>9.585.796</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	244	138



Vũ Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Ngọc Cương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

Mẫu số B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.423.043.162	19.162.372.111
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.554.463.549	18.816.055.470
Các khoản dự phòng	03		6.750.239.899	(843.660.077)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do	04		290.413.391	(220.578.571)
đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ				
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(10.547.099.838)	(4.965.996.456)
Chi phí lãi vay	06		4.681.121.092	2.637.510.093
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay	08		48.152.181.255	34.585.702.570
đổi vốn lưu động				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(65.082.335)	28.735.261.182
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.877.383.827)	(29.195.117.542)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay	11		(50.836.480.260)	8.382.953.187
phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)				
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.233.721.643	(4.890.827.001)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.429.172.379)	(2.667.982.836)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.655.827.218)	(3.274.909.239)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.478.043.120)	31.675.080.321
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21		(21.944.114.156)	(7.046.493.176)
sản dài hạn khác				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài	22		3.060.565.000	627.272.726
sản dài hạn khác				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(250.600.000.000)	(275.600.000.000)
khác				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24		260.625.000.000	107.000.000.000
đơn vị khác				
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(99.726.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào	26		46.926.000.000	-
đơn vị khác				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.651.449.971	5.720.114.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(50.007.099.185)	(169.299.106.359)

Mẫu số B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		291.650.875.611	102.190.679.459
Tiền trả nợ gốc vay	34		(217.640.103.138)	(106.785.554.369)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		74.010.772.473	(4.594.874.910)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		525.630.167	(142.218.900.948)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	19.581.608.627	152.936.802.760
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	20.107.238.794	10.717.901.812



Vũ Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025


Nguyễn Ngọc Cương
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số 09a-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật, đổi tên từ ngày 14/12/2021) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101178800 ngày 27/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 20 ngày 28/02/2023.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.125.001.710.000 đồng, tương ứng 112.500.171 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu JVC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 216 người (tại ngày 01/01/2025 là 159 người).

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư y tế;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Đầu tư liên kết thiết bị y tế;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;
- Hoạt động đầu tư tài chính.

1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có một Chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật, địa chỉ tại số 218 Trần Hưng Đạo, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động chính trong lĩnh vực bán buôn máy móc, thiết bị và vật tư y tế khác.

Thông tin chi tiết về công ty con, công ty liên doanh liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Mối quan hệ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	Công ty con	100%	100%	Không hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật	Hà Nội	Công ty con	99%	99%	Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	25%	25%	Kinh doanh thiết bị y tế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách chuẩn mực và chế độ kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200 (Thông tư 53) Thông tư 202 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200 (Thông tư 53), Thông tư 202 cũng như các hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung ở các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Việc tăng/giảm dự phòng phải thu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Máy móc và thiết bị	03-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm vi tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá mua phần mềm máy tính mới không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán vào tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 03-06 năm.

4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.11 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4.12 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

4.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

4.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.15 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

4.17 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán đó;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ các khoản lợi nhuận được chia từ công ty con, lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi bán ngoại tệ và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên các số dư tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.18 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện hành và số thuế hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không được chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa thu nhập chịu thuế và thu nhập kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quyết định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.19 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	718.228.955	242.275.046
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.969.009.839	19.189.333.581
Các khoản tương đương tiền (*)	1.420.000.000	150.000.000
	20.107.238.794	19.581.608.627

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng TMCP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	13.130.200.000	13.130.200.000	180.200.000	180.200.000
	13.130.200.000	13.130.200.000	180.200.000	180.200.000

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng (*) VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-	46.427.520	-
- Công ty Cổ phần Tasco	-	-	46.427.520	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên khác	206.052.826.891	(84.586.204.431)	444.926.040.565	(325.729.017.839)
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển Công nghệ Hoàn Mỹ	27.257.602.010	-	681.924.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	48.693.747.216	(48.693.747.216)	95.620.562.655	(95.620.562.655)
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1	9.061.795.788	(9.061.795.788)	97.904.625.613	(97.904.625.613)
- Công ty TNHH Một thành viên 16A	9.920.595.600	(9.920.595.600)	26.012.725.600	(25.496.725.600)
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	10.492.501.970	(10.492.501.970)	28.031.022.362	(28.031.022.362)
- Các khách hàng khác	100.626.584.307	(6.417.563.857)	196.675.180.335	(78.676.081.609)
	206.052.826.891	(84.586.204.431)	444.972.468.085	(325.729.017.839)

(*) Công ty đã thực hiện việc xóa nợ và theo dõi ngoại bảng với các khoản công nợ đã trích lập dự phòng 100% và sau 3 năm từ thời điểm trích lập dự phòng đủ 100% vẫn chưa thu hồi được công nợ theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 26 tháng 3 năm 2025. Chi tiết tại TM số 22.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT
Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	1.607.769.968	-	8.971.969.181	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.000.000	-	1.042.368.808	-
- Hàng hoá	157.863.856.569	(20.052.876.761)	158.183.362.880	(19.062.849.741)
- Hàng gửi bán	15.523.876.225	(244.953.133)	3.928.418.066	(235.906.698)
	175.003.502.762	(20.297.829.894)	172.126.118.935	(19.298.756.439)

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng (*) VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thiết bị y tế An Thành Phát	12.240.360.000	(12.240.360.000)	12.240.360.000	(12.240.360.000)
Công ty Luật TNHH Công lý Toàn Dân	2.889.424.958	(2.889.424.958)	2.889.424.958	(2.889.424.958)
JWB Co., Ltd	-	-	190.230.906.514	(190.230.906.514)
Nishimura Medical Instrument	-	-	29.872.783.121	(29.872.783.121)
Công ty TNHH Trang thiết bị Công trình y tế	-	-	24.725.000.000	(24.725.000.000)
Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Thuốc và Thiết bị Y tế RC	-	-	21.080.000.000	(21.080.000.000)
Các đối tượng khác	10.263.285.565	-	28.409.333.402	(13.666.656.059)
Cộng	25.393.070.523	(15.129.784.958)	309.447.807.995	(294.705.130.652)

(*) Công ty đã thực hiện việc xóa nợ và theo dõi ngoại bảng với các khoản công nợ đã trích lập dự phòng 100% và sau 3 năm từ thời điểm trích lập dự phòng đủ 100% vẫn chưa thu hồi được công nợ theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 26 tháng 3 năm 2025. Chi tiết tại TM số 22.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Dự phòng (**)	VND	Dự phòng (**)
Ngắn hạn				
Phải thu về hợp tác đầu tư tài chính (*)	237.164.720.791	(17.935.075.855)	740.375.576.245	(491.756.821.295)
Các khoản khác	213.225.000.000	-	236.200.000.000	-
	23.939.720.791	(17.935.075.855)	504.175.576.245	(491.756.821.295)
	11.354.661.785	(11.354.661.785)	480.998.562.907	(480.998.562.907)
Các khoản ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ cho đối tác đã ngừng hợp tác và CNCNV đã nghỉ việc tại Công ty				
Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	380.667.572	-	7.676.099.434	-
Ký cược, ký quỹ	355.109.352	-	427.328.242	-
Tạm ứng	5.435.031.300	(4.930.575.966)	4.021.465.551	-
Phải thu khác	6.414.250.782	(1.649.838.104)	11.052.120.111	(10.758.258.388)
Dài hạn	1.517.108.920	-	112.267.108.920	(110.750.000.000)
Ký cược, ký quỹ	1.517.108.920	-	1.517.108.920	-
Các khoản ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ cho đối tác đã ngừng hợp tác và CNCNV đã nghỉ việc tại Công ty	-	-	110.750.000.000	(110.750.000.000)
Cộng	238.681.829.711	(17.935.075.855)	852.642.685.165	(602.506.821.295)

(*) Là các khoản hợp tác đầu tư tài chính với đối tác của Công ty nhằm mục đích kiểm soát lợi nhuận, thời hạn hợp tác là từ 6 tháng đến 12 tháng, Công ty có quyền rút một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp hợp tác ngay sau khi thông báo cho đối tác. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả đầu tư và tỷ lệ theo thỏa thuận giữa các bên tại thời điểm thanh lý hợp đồng nhưng đảm bảo không thấp hơn chi phí cơ hội do hai bên xác định theo từng hợp đồng.

(**) Công ty đã thực hiện việc xóa nợ và theo dõi ngoại bảng với các khoản công nợ đã trích lập dự phòng 100% và sau 3 năm từ thời điểm trích lập dự phòng đủ 100% vẫn chưa thu hồi được công nợ theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 26 tháng 3 năm 2025. *Chi tiết tại TM số 22.2*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. NỢ XẤU

Thời gian	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng						
> 3 năm	89.678.622.360	(84.586.204.431)	5.092.417.929	333.148.163.279	(325.729.017.839)	7.419.145.440
- Công ty TNHH Thương mại Hường Đồng	48.693.747.216	(48.693.747.216)	-	95.620.562.655	(95.620.562.655)	
> 3 năm	9.061.795.788	(9.061.795.788)	-	97.904.625.613	(97.904.625.613)	
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1						
> 3 năm	10.492.501.970	(10.492.501.970)	-	28.031.022.362	(28.031.022.362)	
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên						
> 3 năm	9.920.595.600	(9.920.595.600)	-	25.496.725.600	(25.496.725.600)	
- Công ty TNHH Một thành viên khách hàng khác	11.509.981.786	(6.417.563.857)	5.092.417.929	86.095.227.049	(78.676.081.609)	7.419.145.440
Trả trước cho người bán (*)						
> 3 năm	15.189.883.344	(14.292.971.444)	896.911.900	299.244.066.139	(294.705.130.652)	4.538.935.487
- JWB., Co	-	-	-	190.230.906.514	(190.230.906.514)	
> 3 năm	-	-	-	29.872.783.121	(29.872.783.121)	-
- Nishimura Medical						
> 3 năm	-	-	-	24.725.000.000	(24.725.000.000)	-
- Công ty TNHH Trang thiết bị Công trình Y tế						
> 3 năm	-	-	-	21.080.000.000	(21.080.000.000)	-
- Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thuốc và Thiết bị Y tế RC						
> 3 năm	15.189.883.344	(14.292.971.444)	896.911.900	33.335.376.504	(28.796.441.017)	4.538.935.487
Phải thu khác (*)						
> 3 năm	17.935.075.855	(17.935.075.855)	-	602.506.821.295	(602.506.821.295)	
- Công ty TNHH Thương mại Hường Đồng	-	-	-	87.934.458.528	(87.934.458.528)	
> 3 năm	-	-	-	426.110.806.472	(426.110.806.472)	
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên (ngắn hạn và dài hạn)						
> 3 năm	-	-	-	17.940.332.532	(17.940.332.532)	
- Ông Lê Văn Hường						
> 3 năm	17.935.075.855	(17.935.075.855)	-	70.521.223.763	(70.521.223.763)	
- Các khoản phải thu						
	122.803.581.559	(116.814.251.730)	5.989.329.829	1.234.899.050.713	(1.222.940.969.786)	11.958.080.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. NỢ XẤU (TIẾP)

(*) Công ty thực hiện việc xóa nợ và theo dõi ngoại bảng với các khoản công nợ đã trích lập dự phòng 100% và sau 3 năm từ thời điểm trích lập dự phòng đủ 100% vẫn chưa thu hồi được công nợ theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 26 tháng 3 năm 2025. *Chi tiết tại TM số 22.2*

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	4.695.208.182	556.962.997.867	7.898.146.408	3.433.831.657	572.990.184.114
- Mua sắm, lắp đặt hoàn thành trong kỳ	-	5.639.302.331	2.142.396.363	325.010.488	8.106.709.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.924.981.656)	-	-	(7.924.981.656)
30/06/2025	4.695.208.182	554.677.318.542	10.040.542.771	3.758.842.145	573.171.911.640

HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2025	2.851.535.097	462.994.650.665	5.298.661.754	1.898.234.862	473.043.082.378
- Khấu hao trong kỳ	469.520.820	11.133.327.437	609.461.466	189.293.434	12.401.603.157
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.238.748.571)	-	-	(7.238.748.571)
30/06/2025	3.321.055.917	466.889.229.531	5.908.123.220	2.087.528.296	478.205.936.964

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2025	1.843.673.085	93.968.347.202	2.599.484.654	1.535.596.795	99.947.101.736
30/06/2025	1.374.152.265	87.788.089.011	4.132.419.551	1.671.313.849	94.965.974.676

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là: 305.893.601.487 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 281.871.953.202 đồng).

Giá trị còn lại tài sản dùng để thế chấp khoản vay ngân hàng tại ngày 30/06/2025 là 75.007.235.920 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 46.433.369.414 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	5.313.999.620	5.313.999.620
- Mua trong kỳ	-	-
30/06/2025	5.313.999.620	5.313.999.620
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2025	3.994.984.795	3.994.984.795
- Khấu hao trong kỳ	152.860.392	152.860.392
30/06/2025	4.147.845.187	4.147.845.187
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	1.319.014.825	1.319.014.825
30/06/2025	1.166.154.433	1.166.154.433

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là: 3.422.320.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 3.422.320.000 đồng).

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 <u>VND</u>	01/01/2025 <u>VND</u>
Ngắn hạn	75.111.455	1.666.605.150
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	28.069.142	180.028.824
- Chi phí thuê mặt bằng	-	848.308.663
- Các khoản khác	47.042.313	638.267.663
Dài hạn	15.882.190.298	16.524.418.246
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.293.450.447	1.051.929.859
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.755.641.870	9.509.922.968
- Các khoản khác	4.833.097.981	5.962.565.419
	15.957.301.753	18.191.023.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	750.000.000	(750.000.000)	750.000.000	(750.000.000)
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín (1)	750.000.000	(750.000.000)	750.000.000	(750.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	192.800.000.000	-	140.000.000.000	-
- Đối tượng đầu tư 1 (2)	140.000.000.000	-	140.000.000.000	-
- Đối tượng đầu tư 2 (3)	52.800.000.000	-	-	-
	193.550.000.000	(750.000.000)	140.750.000.000	(750.000.000)

(1) Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Tín (thông tin về công ty liên kết tại thuyết minh số 1.4) với tổng giá trị 750.000.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 25%. Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín nên Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư 100% đối với khoản vốn góp vào Công ty liên kết này từ năm 2017.

(2) Giá trị khoản đầu tư là 140 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 10,75%. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về xác định giá trị hợp lý của giao dịch cũng như thường xuyên giám sát hiệu quả đầu tư để đánh giá rủi ro và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá khoản đầu tư được triển khai phù hợp với kế hoạch Công ty và tuân thủ quy định pháp luật, không có khoản dự phòng tổn thất nào cần được trích lập tại ngày 30/06/2025.

(3) Giá trị khoản đầu tư là 52,8 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 19,75%. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về xác định giá trị hợp lý của giao dịch cũng như thường xuyên giám sát hiệu quả đầu tư để đánh giá rủi ro và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá khoản đầu tư được triển khai phù hợp với kế hoạch Công ty và tuân thủ quy định pháp luật, không có khoản dự phòng tổn thất nào cần được trích lập tại ngày 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT
Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán khác	53.224.920.973	53.224.920.973	87.795.950.428	87.795.950.428
Konica Minolta, INC.	8.456.766.885	8.456.766.885	16.978.185.518	16.978.185.518
Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	25.974.827.185	25.974.827.185	48.960.720.612	48.960.720.612
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Danh	12.847.290.572	12.847.290.572	17.925.060.598	17.925.060.598
Phải trả người bán khác	5.946.036.331	5.946.036.331	3.931.983.700	3.931.983.700
Cộng	53.224.920.973	53.224.920.973	87.795.950.428	87.795.950.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	2.633.648.855	5.474.345.342	7.424.216.070	683.778.127
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.608.629.380	2.608.629.380	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	158.958.542	158.958.542	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.136.154.709	8.026.735.732	15.655.827.218	11.507.063.223
- Thuế thu nhập cá nhân	350.385.381	3.803.366.506	3.847.573.069	306.178.818
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.319.675.156	1.377.360	3.321.052.516	-
	25.439.864.101	20.073.412.862	33.016.256.795	12.497.020.168
	01/01/2025	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu/bù trừ trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.941.768	-	-	4.941.768
	4.941.768	-	-	4.941.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	7.167.928.183	9.130.658.468
- Chi phí lãi vay phải trả	121.613.570	133.271.983
- Chi phí tư vấn chuyên môn	5.303.255.718	5.538.465.918
- Lợi nhuận phải trả theo các hợp đồng hợp tác đầu tư liên kết thiết bị y tế	-	1.995.208.042
- Trích trước chi phí hoa hồng	1.546.310.209	1.341.788.856
- Các khoản trích trước khác	196.748.686	121.923.669
Cộng	7.167.928.183	9.130.658.468

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	878.389.428	1.561.608.918
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm phải nộp	482.626.244	-
Phải trả về nhận góp vốn liên kết	-	867.104.158
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	59.500.000	59.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	336.263.184	635.004.760
	878.389.428	1.561.608.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH	30/06/2025				Trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	180.276.534.281	VND	180.276.534.281	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn								
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (1)	12.673.331.837	12.673.331.837		30.450.517.878		31.901.589.987	14.124.403.946	14.124.403.946
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hà Thành (2)	42.311.753.269	42.311.753.269		66.713.165.220		41.393.988.755	16.992.576.804	16.992.576.804
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 1 (3)	48.548.699.893	48.548.699.893		56.548.699.893		72.640.719.208	64.640.719.208	64.640.719.208
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thăng Long (4)	39.114.575.587	39.114.575.587		49.015.874.110		35.350.663.619	25.449.365.096	25.449.365.096
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (5)	-	-		-		8.734.617.834	8.734.617.834	8.734.617.834
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội (6)	26.194.513.773	26.194.513.773		42.441.136.350		26.933.624.735	10.687.002.158	10.687.002.158
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Ngô Quyền (7)	11.433.659.922	11.433.659.922		11.433.659.922		-	-	-
Các khoản vay cá nhân	-	-		-		199.899.000	199.899.000	199.899.000
Vay dài hạn								
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Mỹ Đình (8)	34.562.822.238	34.562.822.238		35.047.822.238		485.000.000	-	-
	9.215.000.000	9.215.000.000		9.700.000.000		485.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP SHB - CN Thăng Long (9)	25.347.822.238	25.347.822.238		25.347.822.238		-	-	-
Cộng	214.839.356.519	214.839.356.519		291.650.875.611		217.640.103.138	140.828.584.046	140.828.584.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay:

Hợp đồng vay	Mục đích vay	Hạn mức (VND)	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/6453135/HĐTD ngày 11/07/2024	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	35.000.000.000	05 tháng kể từ ngày nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản cố định của công ty
(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 25/8767425-CTD/018 ngày 20/05/2025	Tài trợ các nhu cầu vay vốn hợp pháp, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	45.000.000.000	06 tháng kể từ ngày nhận nợ	Tài sản cố định, bất động sản của công ty và bên thứ 3
(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 311578.25.002.449769.TD ngày 26/06/2025	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	140.000.000.000	Đến 26/06/2026	Máy móc thiết bị, hàng hóa, và các quyền thu hồi các khoản phải thu thuộc sở hữu của công ty và các Hợp đồng tiền gửi
(4) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01.06/2025-HĐCVHM/NHCT326-VIETNHAT ngày 06/06/2025	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	120.000.000.000	06 tháng kể từ ngày nhận nợ	Bất động sản, các tài sản cố định của Công ty và bên thứ 3
(5) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng chung số 817/24/TD/SME/011 ngày 16/07/2024	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	70.000.000.000	09 tháng kể từ ngày nhận nợ	Bất động sản của bên thứ ba
(6) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 537/2024/HĐTD/ĐO ngày 11/11/2024	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	120.000.000.000	06 tháng kể từ ngày nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi của Công ty
(7) Hợp đồng vay vốn số 0901/2025 ngày 09/01/2025	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	50.000.000.000	06 tháng kể từ ngày nhận nợ	Không có tài sản đảm bảo
(8) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2025/16246050	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	9.700.000.000	48 tháng kể từ ngày nhận nợ	Các hợp đồng tiền gửi, Tài sản cố định, bất động sản của Công ty và bên thứ 3
(9) Hợp đồng cấp tín dụng số 0014/2025/HHM-PN/SHB ngày 11/06/2024	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	28.662.377.329	60 tháng kể từ ngày nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi và các tài sản cố định của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	1.125.001.710.000	402.288.328.850		19.211.235.252	(1.047.352.036.211)	196.294.248		499.345.532.139	
- Lãi trong năm	-	-		-	40.282.230.794	53.865.267		40.336.096.061	
31/12/2024	1.125.001.710.000	402.288.328.850		19.211.235.252	(1.007.069.805.417)	250.159.515		539.681.628.200	
01/01/2025	1.125.001.710.000	402.288.328.850		19.211.235.252	(1.007.069.805.417)	250.159.515		539.681.628.200	
- Lãi trong kỳ	-	-		-	27.445.830.671	647.316		27.446.477.987	
30/06/2025	1.125.001.710.000	402.288.328.850		19.211.235.252	(979.623.974.746)	250.806.831		567.128.106.187	

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025			01/01/2025		
	Số lượng cổ phiếu	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Quản lý và Đầu tư DTN Việt Nam Các cổ đông khác	17.000.000	170.000.000.000	15,11%	17.000.000	170.000.000.000	15,11%
	95.500.171	955.001.710.000	84,89%	95.500.171	955.001.710.000	84,89%
	112.500.171	1.125.001.710.000	100,00%	112.500.171	1.125.001.710.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.3 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.4 Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.500.171	112.500.171
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	112.500.171	112.500.171
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	112.500.171	112.500.171
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

22.1 Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
USD	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

22.2 Nợ Khó đòi đã xử lý

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng	301.742.070.829	61.062.760.399
<i>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0605/2022/NQ-HĐQT ngày 06/05/2022</i>		
Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thái Bình	1.681.893.883	1.681.893.883
Công ty TNHH Đầu tư chuyển giao công nghệ Cuộc	1.262.719.745	1.262.719.745
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	11.720.249.698	11.720.249.698
Công ty TNHH Dược phẩm Tràng An	2.546.920.463	2.546.920.463
Công ty TNHH Một thành viên 16A	1.451.900.001	1.451.900.001
Công ty TNHH Đầu tư trang thiết bị Đại Dương	364.320.200	364.320.200
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33.792.574.163	33.792.574.163
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Hoa	951.280.000	951.280.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư thương mại Thiên Ân	1.061.000.000	1.061.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Phong Hoà	2.312.795.365	2.312.795.365
Công ty Cổ phần Vinaco Đông Dương	1.099.345.000	1.099.345.000
Công ty TNHH Y khoa Bạch Mai	960.953.000	960.953.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nhật Tín	61.780.000	61.780.000
Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê	664.166.986	664.166.986
Trung tâm y tế huyện Thanh Ba	594.014.849	594.014.849
Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn	536.847.046	536.847.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

22.2 Nợ khó đòi đã xử lý (tiếp)

<i>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ- HĐQT ngày 26/03/2025</i>	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Bệnh viện đa khoa huyện Diễn Châu	1.090.720.000	-
Bệnh viện đa khoa Huyện Đô Lương	39.930.000	-
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THẠCH HÀ	172.151.800	-
Trung tâm y tế Huyện Tân Kỳ	58.600.000	-
Bệnh viện đa khoa huyện Nam Đàn	40.916.370	-
Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc Nghệ An	10.475.000	-
Bệnh viện lao và bệnh phổi Nghệ An	54.450.000	-
Bệnh viện lao và phổi tỉnh Phú Thọ	6.336.670	-
Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	55.000.000	-
Trung tâm Y tế Thị xã Cửa Lò (Bệnh viện Đa khoa Thị Xã Cửa Lò cũ)	234.899.999	-
Bệnh viện đa khoa Tâm Hồng Phước	9.718.925.000	-
Bệnh viện C Thái Nguyên	15.573.443	-
Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hà Nam	19.580.000	-
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Hương Khê	175.747.000	-
Bệnh viện đa khoa Hải Dương	333.600.000	-
BQL DA ĐT XD các CT thuộc lĩnh vực VXHXH Nghệ An	395.000.000	-
Bệnh viện Nam Thăng Long	21.275.000	-
Bệnh viện Trẻ Em Hải Phòng	1.032.653.476	-
Bệnh Viện Đa Khoa Thị xã Phú Thọ	38.500.000	-
Bệnh viện tim mạch An Giang	16.875.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển TBYT An Bình	25.150.000	-
Phòng khám đa khoa 68A	670.632.800	-
Công ty TNHH Minh Khang - Bệnh viện Thành An SG	37.106.600	-
Công ty TNHH Thiết bị y tế và Khoa học kỹ thuật	43.651.500	-
Công ty TNHH dịch vụ khoa học kỹ thuật Olympia	14.507.680	-
Công ty CP tập đoàn bệnh viện - PK ĐK Việt Mỹ (Nam Định)	37.879.494	-
Công ty CP phát triển ứng dụng công nghệ Y Cao (Bệnh viện K)	210.078.468	-
Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	14.450.000	-
Công ty TNHH Medelab Việt Nam	27.879.000	-
Công ty TNHH Y tế Trí Đức	89.425.000	-
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Anh Đức	46.950.000	-
Công ty TNHH MTV Vietstyle	3.642.337.500	-
Phòng khám chẩn đoán hình ảnh Trương Công Luân	10.436.500	-
Công ty CP AMC	519.000.000	-
Công ty TNHH Y khoa Bạch Mai	40.953.000	-
Bệnh viện Đa khoa Hồng Đức	33.400.000	-
Công ty TNHH TBYT và công nghệ Hưng Hà - Nghĩa Bình	1.500.000	-
Công ty TNHH Dibis tỉnh Điện Biên	871.870.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

22.2 Nợ Khó đòi đã xử lý (tiếp)

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phòng khám Chung Văn	6.650.000	-
DNTN - Trung tâm khám bệnh đa khoa Nhân dân	80.164.000	-
Khách hàng lẻ	15.000.000	-
Công ty Cổ phần bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Sài	6.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ y tế Nhân ái	31.000.000	-
Phòng khám Đức Hòa	50.000.000	-
Công ty TNHH kỹ thuật Thương mại Đường Việt	300.800.000	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại Hải Ninh	3.056.225.000	-
Công ty cổ phần T&L	19.770.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Y tế An Thành Phát	12.589.300.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Gia Lai	27.600.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt	734.000	-
Bệnh viện Bãi Cháy	282.304.577	-
Bệnh viện đa khoa Huyện Đô Lương	2.000.000	-
Bệnh viện đa khoa Cái Bè	9.362.000	-
Bệnh viện y học cổ truyền Bộ Công An	42.854.893	-
Khoa tiêu hóa - Bệnh viện Bạch Mai	137.200.000	-
Trung tâm phòng chống bệnh xã hội tỉnh Hòa Bình	108.300.000	-
Bệnh viện quận Phú Nhuận	10.474.000	-
Công ty TNHH Đầu tư chuyển giao công nghệ Cuộc	5.948.880.000	-
Sống Hạ Long		
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	46.926.815.439	-
Công ty TNHH Một Thành viên Phòng khám đa	98.000.000	-
Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Sài Gòn - Nam	462.000.000	-
Công ty Cổ phần Y tế Nghệ An	495.600.000	-
Công ty CP Phòng khám đa khoa Châu Thành	160.000.210	-
Công ty TNHH một thành viên 16A (Bệnh Viện Đa	15.576.130.000	-
Khoa 16A Hà Đông)		
Công ty TNHH Y thể kỷ	4.335.362.300	-
Công ty TNHH Thiết bị y khoa Đỗ Thân	4.993.714.052	-
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo	40.535.000	-
Công ty CP phát triển ứng dụng công nghệ Y Cao	2.427.842.001	-
(Bệnh viện K)		
Công ty TNHH thiết bị y tế Triết Tôn Tiên (3T)	17.538.520.392	-
Công ty CP đầu tư A1	88.842.829.825	-
Phòng khám 696 Trần Hưng Đạo	1.660.340.000	-
Công ty TNHH Y khoa Bạch Mai	289.047.000	-
Công ty TNHH Công Nghệ Y tế Toàn Cầu	981.229.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại	832.250.441	-
Bế Văn Thiệu (Công ty Cẩm Quang Minh Anh)	1.625.700.000	-
Công ty CP dược VTYT Sao Khuê	2.860.000	-
Công ty TNHH công trình và trang thiết bị y tế	10.797.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

22.2 Nợ Khó đòi đã xử lý (tiếp)

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trả trước cho người bán	322.791.773.800	14.944.250.000
Pt. Japan Asian Medical	3.034.250.000	3.034.250.000
Công ty TNHH Trang thiết bị Công trình y tế	11.910.000.000	11.910.000.000
Nghị quyết Hội đồng quản trị số		
2603/2025/NQ-HĐQT ngày 26/03/2025		
JWB CO LTD., - JPY (DP)	68.935.982.843	-
Nishimura Medical Instrument - JPY - (DP)	29.872.783.121	-
PT.Japan Asia Medical - (DP)	2.037.152.905	-
Cool Pair Plus (DP)	261.138.550	-
ICR CO.INC (DP)	262.125.000	-
JWB CO., LTD - USD (DP)	121.294.923.671	-
Sadarita (DP)	320.113.707	-
Gold Lite PTE. Ltd (DP)	14.851.200.000	-
Công ty TNHH Kyoto Medical Science (DP)	23.763.256.592	-
Công ty CP ĐT & PT DV Quốc Tế Thăng Long (DP)	106.562.978	-
Công ty CP DV Vệ sinh công nghiệp nhà sạch Hoàn Mỹ (DP)	3.300.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Du Lịch Hà Vinh (DP)	17.600.000	-
Công ty CP đầu tư A1 (DP)	1.000.020	-
Công ty TNHH trang thiết bị công trình y tế (DP)	24.725.000.000	-
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC (dp)	21.080.000.000	-
Công ty CP Del Tech (DP)	250.000.000	-
Công ty Danh Tân (DP)	35.300.000	-
Trung tâm công nghệ môi trường Việt Nhật	22.000.000	-
ADVANCED MEDTECH SOLUTIONS	8.084.413	-
PTE.LIMITED (DP)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

22.2 Nợ Khó đòi đã xử lý (tiếp)

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khác	601.238.153.279	16.666.407.839
<i>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0605/2022/NQ-HĐQT ngày 06/05/2022</i>		
Bà Đặng Thị Hà Giang	1.100.000.000	1.100.000.000
Ông Lê Văn Giáp	1.483.913.224	1.483.913.224
Bà Lê Thu Huyền	4.506.284.000	4.506.284.000
Ông Mai Hữu Hiếu	6.155.000.000	6.155.000.000
Ông Ngô Văn Hùng	453.000.000	453.000.000
Ông Vũ Quốc Hoàn	157.947.000	157.947.000
Bà Phạm Thị Thanh Xuân	400.000.000	400.000.000
Bà Trần Thị Quỳnh Trang	110.986.215	110.986.215
Ông Mai Hữu Nghiêm	1.689.277.400	1.689.277.400
Ông Lưu Xuân Hạ	360.000.000	360.000.000
Bà Nguyễn Phương Hạnh	250.000.000	250.000.000
<i>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HĐQT ngày 26/03/2025</i>		
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	87.934.458.528	-
Công ty TNHH thiết bị y tế Triết Tôn Tiên (3T)	426.110.806.472	-
PT.Japan Asia Medical	574.509.332	-
DN1388 (Điều chỉnh theo KQKT (Ghi giảm tiền mặt: chênh lệch giữa sổ sách và thực tế)	3.464.052.986	-
Nguyễn Hữu Hiếu	1.199.000.000	-
Vũ Thanh Huyền (đã nghỉ việc)	418.305.000	-
Lê Văn Giáp	3.788.500.000	-
Phạm Văn Thanh	1.530.000.000	-
Phạm Văn Tuy	7.144.019.505	-
Lê Thu Huyền	3.021.225.050	-
Lê Văn Hướng	17.940.332.532	-
Đinh Văn Cường	200.003.000	-
Đặng Hữu Khanh	100.000.000	-
Lê Văn Mạnh 1982	9.406.501.750	-
Nguyễn Thị Mỹ Dung	1.275.736.000	-
Nguyễn Thị Kim Thanh	10.000.000.000	-
Lê Thị Hà	100.000.000	-
Đào Thị Tuyết Mai	4.516.000.000	-
Phạm Thị Thanh Xuân	2.643.570.000	-
Đặng Quốc Việt	3.065.443.285	-
Công ty cổ phần XPC	110.000.000	-
Công ty TNHH Hòa Mĩ	29.282.000	-
Tổng cộng	1.225.771.997.908	92.673.418.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	272.307.056.501	212.127.051.940
Doanh thu hoạt động liên kết thiết bị y tế	16.470.568.586	41.293.803.416
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.805.500.605	22.464.021.751
Cộng	317.583.125.692	275.884.877.107
<i>Doanh thu với bên liên quan được trình bày tại TM 35.2</i>		
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	151.076.190	5.100.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	317.432.049.502	275.879.777.107

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	215.226.794.606	172.867.718.598
Giá vốn hoạt động liên kết thiết bị y tế	5.964.006.889	23.792.515.276
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.446.472.723	15.381.036.135
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng	3.320.599.861	(2.322.987.583)
	240.957.874.079	209.718.282.426

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	410.485.094	2.885.452.898
Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính	3.961.602.192	5.457.041.096
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	1.676.218.011
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	220.578.571
	4.372.087.286	10.239.290.576

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí lãi vay	4.681.121.092	2.637.510.093
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.774.983.839	48.551.174
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	290.413.391	-
	6.746.518.322	2.686.061.267

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nhân công	11.554.442.981	13.237.683.528
Chi phí vật liệu, CCDC	637.327.799	395.335.129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.069.066.508	3.069.140.850
Chi phí khác	11.788.027.515	17.381.659.593
	25.048.864.803	34.083.819.100

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nhân công	9.876.334.504	10.000.905.430
Chi phí vật liệu, CCDC	502.901.147	241.935.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	379.610.937	878.072.307
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.834.911.449	2.227.041.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.375.698.887	2.691.469.725
Chi phí khác	4.394.813.586	6.150.771.522
	21.364.270.510	22.190.195.744

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.721.014.501	8.595.930.597
Chi phí nhân công	26.477.445.742	28.075.041.309
Chi phí Khấu hao Tài sản cố định	12.554.463.549	18.862.503.310
Chi phí dự phòng	6.750.239.899	(268.154.156)
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	22.455.491.428	39.594.418.513
	71.958.655.119	94.859.739.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	6.158.828.169	-
Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.274.616.464	4.930.194.188
Các khoản khác	1.983.287	44.021.575
	7.435.427.920	4.974.215.763

31. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động kinh	111.941.346	230.067.312
Các khoản phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	121.830.401	23.063.875
Giá trị còn lại của tài sản hỏng	-	605.721.499
Lỗi thanh lý TSCĐ, vật tư, CCDC	-	2.264.422.723
Các khoản khác	465.222.085	129.277.389
	698.993.832	3.252.552.798

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Công ty mẹ	8.010.552.828	4.586.026.799
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật.	16.182.904	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	8.026.735.732	4.586.026.799

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.446.477.988	15.479.996.460
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.445.830.672	15.470.410.664
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	112.500.171	112.500.171
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	244	138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các lĩnh vực kinh doanh là bán hàng hóa, hoạt động liên kết thiết bị y tế và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo theo các bộ phận kinh doanh này:

Kỳ này				
Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Hoạt động liên	Cung cấp	Tổng cộng toàn
	VND	kết thiết bị y tế	dịch vụ	Công ty
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	272.155.980.311	16.470.568.586	28.805.500.605	317.432.049.502
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	218.547.394.467	5.964.006.889	16.446.472.723	240.957.874.079
Tổng lãi kế toán trước thuế	53.608.585.844	10.506.561.697	12.359.027.882	76.474.175.423

TÀI SẢN

Tài sản không phân bổ theo

Tổng tài sản

873.129.103.858

873.129.103.858

NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

306.000.997.671

306.000.997.671

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Hoạt động liên	Cung cấp	Tổng cộng toàn
	VND	kết thiết bị y tế	dịch vụ	Công ty
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	212.121.951.940	41.293.803.416	22.464.021.751	275.879.777.107
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	170.544.731.015	23.792.515.276	15.381.036.135	209.718.282.426
Tổng lãi kế toán trước thuế	41.577.220.925	17.501.288.140	7.082.985.616	66.161.494.681

TÀI SẢN

Tài sản không phân bổ theo

Tổng tài sản

828.102.672.175

828.102.672.175

NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

288.421.043.975

288.421.043.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC

35.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Quản lý và Đầu tư DTN Việt Nam
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dược phẩm Trung Dũng
Công ty Cổ phần Tasco
Công ty Cổ phần Du thuyền SVC
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội
Công ty Cổ phần Du thuyền Savico Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt
Công ty TNHH Toyota Tây Ninh
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu

Mối liên hệ

Cổ đông lớn của Công ty
Góp vốn đầu tư dài hạn khác
Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Bên liên quan của người nội bộ Công ty
Bên liên quan của người nội bộ Công ty

35.2 SỐ DƯ/GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với bên liên quan:

Phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Tasco

30/06/2025

01/01/2025

VND

VND

34.127.520

32.918.400

34.127.520

32.918.400

Giao dịch với bên liên quan:

Từ 01/01/2025

Từ 01/01/2024

đến 30/06/2025

đến 30/06/2024

VND

VND

Doanh thu với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tasco

46.166.400

390.976.290

46.166.400

390.976.290

Thu nhập của Hội đồng quản trị

Chức vụ

Từ 01/01/2025

Từ 01/01/2024

đến 30/06/2025

đến 30/06/2024

VND

VND

Chủ tịch HĐQT

170.600.000

72.000.000

Phó chủ tịch HĐQT

453.200.000

1.013.934.116

Thành viên HĐQT

543.100.000

1.604.677.293

Thành viên HĐQT độc lập

199.999.998

3.000.000

Cộng

1.366.899.998

2.693.611.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc

Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng giám đốc	662.000.000	1.013.934.116
Phó Tổng giám đốc	330.500.000	1.826.939.586
	992.500.000	2.840.873.702

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 1 năm trở xuống	4.598.761.566	6.719.293.551
Trên 1 năm đến 5 năm	2.608.000.287	12.402.778.579
Trên 5 năm	15.602.363.798	8.336.583.000
Cộng	22.809.125.651	27.458.655.130

37. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.



Vũ Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Ngọc Cương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu